TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Tuyền.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Hữu Tài.**

2/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Phương** – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Quang Đ**, sinh năm 1982 "vắng mặt".

2. Bị đơn: Chị **Phạm Tuyết N**, sinh năm 1984 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

3. Người làm chứng: Anh **Lê Quang Đ**, sinh năm 1977 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 24/4/2023 nguyên đơn anh Lê Quang Đ trình bày: Anh và chị Phạm Tuyết N kết hôn vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp Ninh Thuận, xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, thời gian chung sống được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn chung sống từ

năm 2016 cho đến nay, từ khi ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Nay anh xác định không mâu thuẩn vợ chồng trầm trọng, không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý đơn của anh Lê Quang Đ, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn chị Phạm Tuyết N không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và nguyên đơn cũng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Quang Đ.

Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Quang Đ được ly hôn với chị Phạm Tuyết N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Quang Đ phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Quang Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phạm Tuyết N, có địa chỉ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn anh Lê Quang Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn chị Phạm Tuyết N được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Quang Đ và chị Phạm Tuyết N thành hôn và có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhân kết hôn số: 67/2014, quyển số 01/2013 và anh Đ, chị N kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh Đ cho rằng thời gian vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng không còn chung sống từ năm 2016 cho đến nay. Từ khi mâu thuẫn đến nay vợ chồng không có hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với chị N. Xét lời trình bày của anh Đ phù hợp với lời khai của người làm chứng. Mặc khác, việc yêu cầu ly hôn của anh Đ thì chị N không có ý kiến gì, mặt dù Tòa án triệu tập tham gia để hòa giải nhưng chị N không tham gia. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Quang Đ phải nộp 300.000đồng theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Quang Đ.

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Lê Quang Đ được ly hôn với chị Phạm Tuyết N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Quang Đ phải nộp 300.000đồng nhưng được nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0004072 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Anh Lê Quang Đ đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Thạch Thị Tuyền

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Uỷ ban nhân dân xã T
(Giấy kết hôn số: 67, ngày 07/10/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.